

Tổ chức nhà nước ở Nam Bộ thời chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn

Nguyễn Thị Việt Hương *

Cao Tự Thanh **

Tóm tắt: Bài viết phân tích quá trình xác lập và mô hình tổ chức nhà nước vùng Nam Bộ dưới thời chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn. Tổ chức nhà nước vùng Nam Bộ trong giai đoạn này mang nhiều nét đặc sắc, vừa tương đồng, vừa dị biệt so với chính quyền Đàng Ngoài và vùng Thuận Quảng của các chúa Nguyễn. Nghiên cứu tổ chức nhà nước ở Nam Bộ trong giai đoạn này sẽ giúp ta hiểu rõ hơn lịch sử nhà nước phong kiến Việt Nam nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Chính quyền; nhà nước; lịch sử pháp luật; Đàng Trong; Nam Bộ; Chúa Nguyễn.

1. Mở đầu

Sau khi Nguyễn Hoàng trở về Thuận Hóa năm 1600, cục diện Đàng Trong - Đàng Ngoài ở Việt Nam đã bắt đầu manh nha và đến 1627 thì chính thức định hình với việc Hy tông Phước Nguyên dàn quân chống Trịnh trên sông Nhật Lệ. Nhưng sau chiến dịch 1772 kết thúc với trận Trấn Ninh thảm khốc thì thời kỳ Bắc cự của chính quyền Đàng Trong về cơ bản cũng chấm dứt. Được rảnh tay ở phía Bắc, các chúa Nguyễn dồn sức vào công cuộc khai thác phương Nam. Năm 1679 Thái tông Phước Tần tiếp nhận nhóm di thần phản Thanh phục Minh Hoa Nam Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch qua ty nạn chính trị ở Đàng Trong, cho họ vào khai phá Biên Hòa và Mỹ Tho, đặt nền móng cho việc mở mang lãnh thổ Đàng Trong tới vùng Nam Bộ. Năm 1693, Hiến tông Phước Châu lập dinh Bình Thuận, đến 1698 cử Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược miền Nam, lập phủ Gia Định, chính thức xác lập tổ chức nhà nước Việt Nam trên địa bàn này rồi đến 1708 lại

tiếp nhận nhóm Mạc Cửu đem trấn Hà Tiên về quy phục. Thời kỳ 1698 - 1777 trong lịch sử nhà nước Việt Nam ở Nam Bộ do đó nằm lọt vào giai đoạn Nam tiến thời Đàng Trong, lúc hệ thống quản lý xã hội mà hạt nhân chính thống là hệ thống chính trị - tổ chức nhà nước ở Đàng Trong đã phát triển một cách biệt lập với Đàng Ngoài và các chúa Nguyễn đã tiến thêm được một bước dài trong việc ổn định chính quyền của mình ở vùng Thuận Quảng. Vậy mô hình hệ thống chính trị - tổ chức nhà nước ở Nam Bộ dưới thời chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn như thế nào? Do điều kiện thư tịch mất mát, tài liệu thiếu thốn hiện không cho phép tìm hiểu toàn diện và chi tiết hệ thống tổ chức nhà nước ở Nam Bộ thời Đàng Trong của các chúa Nguyễn, nên bài viết này chỉ dừng ở những nét phác

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

ĐT: 0988891223. Email: khang1954@yahoo.com.

(**) Nhà nghiên cứu Hán Nôm; ĐT: 0862568318. Email: caotwthanh@yahoo.com.

thảo về cấu trúc hành chính và tổ chức chính quyền vùng Nam Bộ.

2. Bộ máy chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn

Bộ máy trung ương của chính quyền Đàng Trong nói chung và Nam Bộ nói riêng được gọi là Chính dinh. Năm 1614 Hy tông Phước Nguyên bắt đầu đặt ba ty gồm ty Xá sai, ty Tướng thần, ty Lệnh sử, ngoài ra còn có ty Nội Lệnh sử, hai ty Tả Hữu Lệnh sử. Năm 1638 Thần tông Phước Lan đặt các chức Nội tả, Nội hữu, Ngoại tả, Ngoại hữu làm tứ trụ đại thần. Đến 1744 Thế tông Phước Hoạt xưng vương, vẫn giữ tứ trụ đại thần nhưng ở Chính dinh thì đổi Đô tri làm Hình bộ, Ký lục làm Lại bộ, Vệ úy làm Lễ bộ, Cai bạ Phó Đoán sự làm Hộ bộ, Văn chức làm Hàn lâm viện, đặt thêm Binh bộ và Công bộ.

Về tổ chức hành chính ở các địa phương thì chính quyền Đàng Trong vẫn theo thể chế nhà Lê, đặt làm hai đạo (thường gọi là xứ) Thuận Hóa và Quảng Nam, mỗi xứ gồm nhiều phủ, mỗi phủ gồm nhiều huyện châu, dưới nữa là tổng rồi tới các đơn vị cấp cơ sở như thôn, xã (có các chức thôn trưởng, xã trưởng, cai xã đứng đầu). Đáng nói là hệ thống phủ huyện ở đây không thống nhất về tổ chức, chẳng hạn đến 1744 Thế tông Phước Hoạt xưng vương sắp xếp lại bộ máy hành chính vẫn đặt riêng chức Tuần phủ và Khâm lý để cai trị hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn. Hệ thống quan lại phụ trách việc thu thuế chính là hệ thống dinh trấn, một hệ thống quản lý xã hội mang đậm màu sắc quân chính và là trụ cột trong thiết chế nhà nước của chính quyền Đàng Trong.

Hệ thống dinh trấn của chính quyền Đàng Trong đã hình thành từ đời Nguyễn

Hoàng, nhưng đến 1614, cùng với việc Hy tông Phước Nguyên đặt ra ba ty ở Chính dinh cũng bước đầu được tổ chức lại. Có một đường ranh rõ ràng về chức năng giữa hệ thống phủ huyện quản lý cư dân theo địa bàn (đơn vị cơ sở là thôn xã) với hệ thống dinh trấn quản lý cư dân theo nghề nghiệp (đơn vị cơ sở là tổng man thuộc nậu), trong đó hệ thống phủ huyện chủ yếu chỉ coi việc kiện tụng khám hỏi tế tự, còn hệ thống dinh trấn coi việc binh bị phu dịch thuế khóa và thống thuộc hệ thống phủ huyện. Bộ máy chính trị - hành chính tổ chức theo mô hình quân chính (chế độ quân chính) này là đặc điểm quan trọng nhất của thiết chế nhà nước ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII, đặc điểm này sẽ phát triển mạnh hơn khi người Việt tiến vào đồng bằng Nam Bộ về sau.

Đến giữa thế kỷ XVIII, chế độ quân chính vùng Thuận Quảng đã bắt đầu bộc lộ những điểm yếu trí mạng. Nhưng khác với vùng Thuận Quảng sau nhiều trăm năm phát triển đã có một hiện thực kinh tế - xã hội với những nhu cầu quản lý xã hội khác, vùng Nam Bộ đến giữa thế kỷ XVIII còn đang trong giai đoạn đầu khai phá. Việc khẳng định cơ cấu xã hội học với các thiết chế xã hội Việt Nam ở đây do đó không thể tiến hành một cách đồng bộ giữa tất cả các hệ thống sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần, giao tiếp xã hội, quản lý xã hội và tái sản xuất sinh học - xã hội mà phải có một hệ thống đóng vai trò bút phá. Trong hoàn cảnh phức tạp của tình hình ngoại giao ở khu vực lúc ấy, thiết chế chính trị - hành chính quân chính của chính quyền Đàng Trong với tư cách hệ thống quản lý xã hội vô hình trung lại là phương án tối ưu trong việc khẳng định chủ quyền của cộng đồng Việt Nam trên vùng đất mới phương Nam.

Sau khi bắt giết Duệ tông Phước Thuận và Tân chính vương Phước Dương năm 1777, năm 1778 Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Thái Đức, đóng đô ở Quy Nhơn. Nhưng cũng trong năm ấy, Nguyễn Ánh được các lực lượng phù Nguyễn chống Tây Sơn ở Nam Bộ tôn là Đại Nguyên soái Nhiếp quốc chính đánh chiếm được Sài Gòn, mở ra cuộc chiến dằng dai trên địa bàn này suốt mười năm, đến 1788 mới chiếm được Nam Bộ lần cuối. Cho nên trong thời gian 1778 - 1788, hệ thống chính quyền Việt Nam trên vùng Nam Bộ do hai lực lượng chính trị đối lập với nhau tổ chức tức chính quyền Nguyễn Ánh và chính quyền Tây Sơn. Sau khi chiếm được Gia Định lần cuối, Nguyễn Ánh từng bước xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền. Mặc dù giai đoạn này không còn nằm trong trạng thái chính trị của “chính quyền Đàng Trong” nhưng về cơ bản, đó là sự kết nối và do vậy mang nhiều dấu tích của cách quản lý xã hội của chính quyền Đàng Trong.

3. Quá trình các chúa Nguyễn xác lập đơn vị hành chính và thiết lập tổ chức nhà nước vùng Nam Bộ

3.1. Chính sách di dân, khẩn hoang, xác lập các đơn vị cộng cư truyền thống

Đơn vị hành chính và cộng cư cơ bản, mang tính truyền thống của người Việt là làng xã. Từ cái nôi là Bắc Bộ, đi theo những bước chân mở đất, đến vùng Nam Bộ người Việt lại thiết lập các đơn vị cộng cư truyền thống để sinh tụ và khai hoang.

Trước năm 1698 đã có nhiều cuộc di dân lẻ tẻ và thường xuyên của người Việt đến Nam Bộ lập làng, khai phá đất hoang với mục đích mưu sinh. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn cho biết: “Phủ Gia Định, đất

Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giuộc, Soài Lạp, cửa Đại, cửa Tiểu, toàn là rừng rậm mấy nghìn dặm, họ Nguyễn trước đánh nhau với Cao Miên, mà lấy được, mới chiêu mộ những dân có vật lực ở xứ Quảng Nam, các phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn cho dời tới ở đây, phá chặt mở mang, hết thảy thành bằng phẳng” [1, tr.345]. Chúng ta có thể xem xét đến nguồn gốc và động cơ của các thể hệ người Việt khai hoang. Đó là những tù binh được chính quyền Đàng Trong bắt được trong các cuộc chiến tranh với chính quyền Đàng Ngoài. Từ năm 1627 đến 1672 đã có 5 cuộc chiến tranh lớn giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài. Các cuộc chiến kéo dài này đã làm cho cả vùng Nghệ An trở nên hoang tàn. Ở Nghệ An, các tù binh này đều được đưa đến khai khẩn ở vùng dinh Trấn Biên (Phước Yên), các khu vực nam Thuận Quảng và Nam Bộ. Lớp người thứ hai đến khai khẩn ở Nam Bộ là những tù nhân trốn quân ngũ, những tội phạm, những người có máu anh hùng muốn đi tìm vùng đất mới để lập nghiệp (có ý kiến cho rằng, tính chất phong đăng, tính cách ngang tàn của người Nam Bộ không chỉ do thiên nhiên ưu đãi, mà còn do chỗ nhiều người đến Nam Bộ có tính phưu lưu muốn đi tìm vùng đất mới). Những người này đến Nam Bộ cả từ nơi xuất phát là Đàng Trong và Đàng Ngoài. Tầng lớp dân nghèo đi khai hoang chiếm tỉ lệ rất lớn. Những người dân nghèo cũng đến đây cả từ Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Cùng với sự di dân khai hoang của người Việt còn có người Chăm, người Hoa. Người Chăm ở vương quốc Chăm-pa suy yếu đã tham gia vào đội ngũ vào khẩn hoang Nam Bộ một cách tích cực nhất. Bên cạnh đó là những nhóm người Hoa. Năm 1679 Trần

Thượng Xuyên cùng với 5.000 quân cùng gia nhân và 50 chiến thuyền đến cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng xin quy phục. “Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập, do đó mà phong hóa Hán [phong hóa văn minh] thấm dần vào đất Đông Phố” [5, tr.91]. Như vậy, “đám Minh thần lưu vong nửa cướp, nửa quan” (chữ dùng của Tạ Chí Đại Trường [12, tr.97]. Đồng thời Tạ Chí Đại Trường cho rằng: “Đất Gia Định mà chú cháu Nguyễn Phúc Ánh dất díu nhau vào hồi tháng 2 (Ất Mùi 1775) là nơi lập thành do công khai thác của hai nhóm người: đám Minh thần lưu vong nửa cướp, nửa quan và đám nông dân Việt nghèo khổ” [12, tr.97]. Nhận xét này có phần khuyết thiếu, bởi vì ngoài hai lực lượng này thì còn có tầng lớp giàu có người Việt có tiền đẻ mộ dân và có nông cụ; ngoài ra có cư dân người Chăm bị dồn xuống Nam Bộ) cũng là lực lượng tham gia vào quá trình khẩn hoang.

Tóm lại, khai thác Nam Bộ là công lao của nhiều lớp người với các nguồn gốc khác nhau, chính họ với quá trình khẩn hoang của mình đã tạo ra một nguồn lực lớn và là cơ sở để sau này chính quyền Đàng Trong thiết lập các đơn vị hành chính. “Tất nhiên với sự khai thác vội vã như vậy, bản đồ xứ Gia Định vào hậu bán thế kỷ XVIII có những nét riêng biệt” [13, tr.98]. Những nét riêng biệt ấy sẽ tạo ra cho nền hành chính mà chính quyền Đàng Trong thiết lập ở Nam Bộ mang nhiều điểm khác với Thuận Quảng.

Năm 1698 đánh dấu một sự kiện đặc biệt quan trọng, chúa Nguyễn đã cử Nguyễn Hữu Cảnh xuống kinh lý vùng Đông Phố. “Bắt đầu đặt phủ Gia Định. Sai Thống suất

Nguyễn Hữu Kính kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long (nay thăng làm phủ), dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay)... Thiết lập xã thôn phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệnh thuế tô dung, làm sổ đinh điền” [5, tr.111]. Đây là sự kiện đánh dấu bước khẳng định chủ quyền quan trọng của các chúa Nguyễn. Và chính từ sự kiện này, nền hành chính ở Nam Bộ đã chính thức được chính quyền Đàng Trong xác lập.

Sau năm 1698, chính quyền Đàng Trong tiếp tục đẩy mạnh chính sách khẩn hoang nhờ thiết lập được hai huyện đầu tiên ở Nam Bộ, biến nó thành “tổng hành dinh” của các hoạt động khai phá tiếp theo. Đồng thời sự kiện 1698 cũng giúp khẳng định được vị thế của chính quyền Đàng Trong với Chân Lạp, trở thành bước đi chính trị quan trọng cho việc mở rộng chủ quyền và đẩy mạnh khai phá vùng Nam Bộ, Việt Nam.

Trong suốt thế kỷ XVIII, chính sách di dân khai hoang vùng Nam Bộ là chính sách nhất quán, cơ bản của chính quyền Đàng Trong với Nam Bộ và được tiến hành với nhiều hình thức khác nhau. Các đồn điền được mở rộng, trong đó có các đồn điền của những người giàu có và có nông cụ, họ thuê dân nghèo và khai hoang các diện tích đất đai còn hoang sơ. Ngoài ra còn có các quân đồn điền là đồn điền của chính quyền nhờ trưng tập binh lính tiến hành khai hoang. Trong buổi đầu của nền hành chính Nam Bộ, lực lượng quân sự vừa khai hoang vừa bảo vệ đất đai. Ngoài ra, trên các con lạch,

trên các bìa rừng hay trong các khu rừng hoang sơ vẫn là những người dân nghèo khổ từng bước khai hoang, lập làng và tụ cư sinh sống. Đến 1757 những người Việt, người Hoa, người Chăm đã có mặt khắp nơi trên đất Nam Bộ từ vùng Trăn Biên đến các bìa rừng của hai con sông Tiền, sông Hậu, đến các khu rừng tràm của đất Hà Tiên. Đến năm 1775 theo con số thuế nộp ở Đàng Trong (không kể trấn Hà Tiên) thì Nam Bộ đã có tới 1.300 thôn xã với khoảng 42.500 dân đinh (theo Li Tana (trong cuốn *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb Trẻ, Hà Nội, 1999), đi cùng với mỗi dân đinh là 1 vợ của họ và 3 người con, tức là tương ứng với mỗi dân đinh ở xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII sẽ là 4 người đi theo. Như vậy, dân số ở Nam Bộ vào cuối XVIII sẽ là $42.500 \times 5 = 212.500$ người).

Như vậy, quá trình di dân người Việt, Hoa, Chăm đã tạo ra cho Nam Bộ một cơ cấu dân cư mới với các đơn vị cộng cư mới, một cấu trúc tổ chức hành chính và bộ máy quản lý mới. Các cuộc di dân dù trước 1698 hay sau 1698, dù được chính quyền Đàng Trong tổ chức hay những người lưu dân tự tổ chức thì đều đem đến hệ quả là xuất hiện những đơn vị cộng cư mới. Trên cơ sở ấy, năm 1698 hai huyện Tân Bình và Phúc Long đã được thành lập, phủ Gia Định ra đời, đánh dấu bước đầu tiên trong việc thiết lập thiết chế chính trị trên vùng đất Nam Bộ.

3.2. Chính sách xâm thực từng bước, khẩn hoang, lập làng đến đâu thiết lập đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy cai trị đến đó

Thực tế cho thấy, việc thiết lập các cơ sở hành chính tùy thuộc vào nhiều yếu tố trong

đó mật độ dân cư là yếu tố rất quan trọng. Trên vùng đất rộng lớn và còn nhiều hoang sơ như Nam Bộ, các cư dân tiên phong lập nên các ngôi làng ban đầu chỉ có vài hộ gia đình sau đó mới dần dần trở thành nơi tập trung dân cư lớn hơn. “Làng ở Nam phần không có lũy tre bao bọc. Hình thể của làng thường là chạy dài theo hai bờ sông bờ rạch, với một lớp nhà: mé rạch, đường mòn rồi đến nhà, phía sau là vườn rồi ruộng. Chỉ ở nơi ngã ba sông hoặc ngã tư thì nhà cửa mới đông đúc hơn, trở thành những chợ nhỏ” [10, tr.80 - 81]. Tình trạng phân bố dân cư với mật độ rất thấp khiến cho việc thiết lập các đơn vị hành chính không thể diễn ra đồng thời vì liên quan tới những khó khăn trong việc thu thuế của chính quyền. Đó là lý do khiến các đơn vị hành chính ở Nam Bộ được thiết lập dần dần, từng bước. Lời tâu của Nguyễn Cư Trinh là một minh chứng cho quá trình lần dần về cực Nam của chính quyền Đàng Trong: “Đời trước lập Gia Định, tắt trước mở xứ Mô Xoài, rồi mở xứ Đồng Nai, để cho quân dân hoàn tụ, rồi mới mở xứ Sài Gòn, thế là lấy ít đánh nhiều, lần dần như tầm ăn” [1, tr.124].

Thực tế, khi một đơn vị hành chính mới được thiết lập thì đó cũng là một biểu hiện của sự can thiệp (bằng quân sự hoặc ngoại giao) của chính quyền Đàng Trong vào vùng đất thuộc quyền chi phối đã hết sức lỏng lẻo của Chân Lạp. Lời tâu của Nguyễn Cư Trinh vào năm 1732 cho thấy điều đó: “Xin xem địa thế, đặt lũy chia dinh, tập hợp dân binh, chia ruộng cho dân lập nghiệp” [1, tr.124].

Như vậy, đã tồn tại hai cách thức thiết lập các đơn vị hành chính mới ở vùng Nam Bộ của chính quyền Đàng Trong: *thứ nhất*, trên cơ sở các địa điểm tụ cư của dân khai

hoang đã đông thì bắt đầu thiết lập các cơ sở hành chính, như việc đặt phủ Gia Định với hai huyện Tân Bình và Phúc Long; *thứ hai*, bằng các hành động quân sự và ngoại giao lấy đất ở các khu vực mà Chân Lạp đã hoàn toàn không còn khả năng chi phối để thiết lập các đơn vị quân sự - hành chính rồi mới tiến hành di dân khai hoang đi đôi với quá trình điều chỉnh đơn vị hành chính cho tương thích với sự thay đổi của tình hình dân số.

Căn cứ vào các nguồn tư liệu hiện có, có thể thấy được một số sự kiện mở đất và xâm thực quan trọng của chính quyền Đàng Trong đối với Nam Bộ. Năm 1698 Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng Đồng Nai, lập ra hai huyện Phúc Long và Tân Bình (Sau này trong tâm thức của người Nam Bộ cụm từ “*dân hai huyện*” có ý nghĩa hết sức thiêng liêng, cụm từ này thường được người dân Nam Bộ tự hào truyền nhau, bởi *dân hai huyện* chính là những người Việt đầu tiên có mặt trên đất Nam Bộ một cách chính thức ở huyện Tân Bình và Phúc Long). Đồng thời những người Hoa được lập làm xã Thanh Hà ở dinh Trấn Biên, xã Minh Hương ở dinh Phiên Trấn. Năm 1708 lập ra Trấn Hà Tiên từ vùng đất của Mạc Cửu. “Đến đây Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông” [5, tr.122]. Năm 1732, “Chúa cho rằng Gia Định địa thế rộng rãi, sai khố thần chia đất đặt châu Định Viễn (nay là phủ Định Viễn) và dựng dinh Long Hồ (tức là tỉnh Vĩnh Long ngày nay)” [5, tr.143]. Thực tế, như trong lời tâu của Nguyễn Cư Trinh được Lê Quý Đôn ghi chép, thì đặt

châu Định Viễn là kết quả của việc Chân Lạp phải cắt đất cho chúa Nguyễn sau các hành động quân sự không thành của Chân Lạp. Năm 1756, vua nước Chân Lạp là Nặc Nguyên dâng đất hai phủ Tầm Bồn và Lôi Lạp, vì tướng Chân Lạp là Chiêu Chùy Éch quấy rối vùng Côn Man (đất của chính quyền chúa Nguyễn)” [5, tr.165]. Châu Định Viễn được mở rộng ra các vùng Gò Công, Tân An, Bến tre. Năm 1757, sau khi vua Chân Lạp là Nặc Nguyên chết, tình hình Chân Lạp rối loạn, sau đó quan quân của chúa Nguyễn đã giúp Nặc Tôn lên ngôi, để đền đáp Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long cho chúa Nguyễn. Tiếp đó chính quyền Đàng Trong đã mở rộng thêm đất đai, lập các đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Chân ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang. Tiếp đó Nặc Tôn lại cắt đất 5 phủ ở Chân Lạp cho chúa Nguyễn, chúa Nguyễn lại cho lệ thuộc vào Hà Tiên, đạo Kiên Giang và đạo Long Xuyên lại được Mạc Thiên Tứ đặt [5, tr.166 - 167].

3.3. Chính sách ràng buộc lòng lẻo

Chính sách ràng buộc lòng lẻo là chính sách nhất quán của chính quyền Đàng Trong đối với việc thiết lập và quản lý các khu vực hành chính ở Nam Bộ. Với việc thực hiện chính sách này thì cấu trúc hệ thống hành chính ở Nam Bộ thời các chúa Nguyễn có sự khác nhiều, như là một dị biệt so với vùng Thuận Quảng. Tuy nhiên, với quá trình mở rộng lãnh thổ và khẩn hoang lập các cơ sở kinh tế mới trên một vùng đất còn hoang sơ nhưng giàu tiềm năng và nhạy cảm về chính trị thì chính sách này lại tỏ ra có lợi thế nhất định.

Có nhiều lý do dẫn đến việc chính quyền Đàng Trong chấp nhận cho Nam Bộ có một quy chế hành chính lỏng lẻo.

Về khách quan, Nam Bộ là vùng đất mới, lại xa trung ương nên chính quyền khó với tay đến được. Hơn nữa Nam Bộ rộng lớn, thiên nhiên hoang sơ, mật độ dân cư thấp, thành phần dân cư, tộc người phức tạp, tập hợp các tay lục lâm đi tìm đất hứa... Do đó nên hoạt động cai trị phải được tiến hành từ từ, từng bước, không thể chặt chẽ ngay từ đầu.

Lý do chủ quan cũng khiến chính quyền Đàng Trong không thể làm gì hơn ngoài một mô hình lỏng lẻo. Sau 50 năm chiến tranh liên miên với họ Trịnh (1627 - 1672), dù Lũy Trường Dục đã được xây dựng nhưng nguy cơ từ phía Bắc vẫn tồn tại thường trực, vẫn cần một sự tập trung lực lượng cao độ để đối phó. Phía Nam là Chân Lạp với tình hình chính trị rắc rối và liên miên bất hòa xung đột, vì vậy một bộ máy chính quyền dân sự chặt chẽ sẽ ít lợi thế hơn một bộ máy quản lý được quân sự hóa chỉ cần coi trọng chức năng thu thuế chứ chưa cần thiết để tâm nhiều tới quản lý dân cư, xây các lâu đài hay xử án... Không thể quản lý chặt chẽ còn bởi vì chính bản thân Đàng Trong cũng đang trong quá trình xây dựng và củng cố trên mọi lĩnh vực tổ chức bộ máy quản lý. Cùng với đó là lời dặn đầy tâm huyết của Nguyễn Hoàng trước lúc đi xa: “Đất Thuận Quảng phía bắc có núi Ngang [Hoành Sơn] và sông Gianh [Linh Giang] hiểm trở, phía Nam ở núi Hải Vân và núi Đá Bia [Thạch Bi Sơn] vững bền. Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta” [5, tr.37].

Trên thực tế, chính quyền Đàng Trong đã thừa nhận và duy trì ở Nam Bộ một nền hành chính với cấu trúc thiếu chặt chẽ. “Ngày trước ở đất Nông Nại có nhiều đầm ao và rừng rú. Lúc mới lập ra ba dinh, chiêu dân đến ở, pháp luật rất khoan giả. Có người có ruộng đất ở hạt Phiên Trấn, mà lại nộp thuế là ruộng đất của dân Trấn Biên, và những người có ruộng đất ở hạt Trấn Biên, lại nộp thuế là ruộng đất của dân Phiên Trấn. Cái đó là tùy sở nguyện của dân, không có bó buộc, cái cốt chỉ để khai hoang thành điền và lập ra xã thôn mà thôi” [3, tr.81]. Các đơn vị hành chính được xếp đặt khá lộn xộn với các mối liên hệ lỏng lẻo giữa chúng với nhau và với chính quyền trung ương. Tính lỏng lẻo, không chặt chẽ thể hiện đặc biệt rõ trong quan hệ giữa Trung ương với các đơn vị hành chính địa phương. Hai nghĩa vụ quan trọng nhất được đặt ra đối với các đơn vị hành chính ở Nam Bộ là: thực thi các nghĩa vụ quân sự bảo vệ biên giới và sẵn sàng can thiệp vào tình hình Chân Lạp nếu có yêu cầu; thu thuế. Nhưng sự thực thì nhiều tư liệu (*Phủ biên tạp lục*, *Gia Định thành thông chí*, *Đại Nam thực lục*) cho thấy việc chính quyền Trung ương kiểm soát dân cư và đất đai tại Nam Bộ là hết sức khó khăn và việc thu thuế cũng chỉ đạt kết quả tương đối.

Trong bối cảnh đó, chính quyền Đàng Trong cũng sẵn sàng chấp nhận một cơ chế tự trị - tự quản đối với nhiều khu vực ở Nam Bộ. Mặc dù ngay từ 1708 trấn Hà Tiên đã thuộc về chính quyền của các chúa Nguyễn, tuy nhiên đến tận năm 1757 khi các đạo Kiên Giang và Long Xuyên được lập thì không phải do chính quyền Trung ương thiết lập mà do Mạc Thiên Tứ thiết lập ở Hà Tiên. Nhiều hoạt động của Hà

Tiên mang tính chất tự trị rất rõ trong đó có cả việc dùng binh và Mạc Thiên Tứ có quân đội riêng, thậm chí can thiệp cả vào Chân Lạp mà chưa chắc đã thông qua chúa Nguyễn. Trên các phương diện phát triển kinh tế, đời sống chính trị, Hà Tiên có tính tự trị rất cao. Ngoài ra, tính chất tự trị nhiều mặt về kinh tế của các làng Nam Bộ có thể dễ dàng nhận thấy được.

Chính sách lỏng lẻo như trên đã dẫn đến hệ quả là hệ thống chính quyền được thiết lập ở Nam Bộ tương đối đơn giản và thiếu tính chặt chẽ. Một cấu trúc hành chính như thế chỉ phục vụ cho những người đi khai hoang và rõ ràng là yếu. Cấu trúc hành chính ấy được thiết lập trên cơ sở của những cư dân khẩn hoang và phục vụ khẩn hoang, tính chất tự trị tại các khu vực rất cao, nhất là tại các làng xã vì tính chất của thiên nhiên còn hoang sơ. Tuy nhiên, về lâu dài thì cấu trúc chính quyền với pháp luật đơn giản dễ tạo cho cư dân một lối ứng xử xa rời với luật pháp và chính quyền.

4. Cấu trúc hành chính và tổ chức nhà nước vùng Nam Bộ

Năm 1698, sự thành lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phúc Long và Tân Bình đã là sự kiện đầu tiên mở ra quá trình thiết lập các đơn vị hành chính của chính quyền Đàng Trong ở vùng đất Nam Bộ. Năm 1744 Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, gọi là An Nam quốc vương hay Đại Việt quốc vương (Li Tana (trong *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb trẻ Hà Nội, 1999, tr.80) cho biết, Thích Đại Sán đã nói vào năm 1675, Nguyễn Phúc Chu đã tự xưng vương gọi là *Đại Việt quốc vương*. Đồng thời tác giả cũng nghi ngờ sự kiện năm 1744 rằng sách *Đại Nam thực lục* có lầm lẫn, bởi cũng theo

Đại Nam thực lục thì năm 1709, Nguyễn Phúc Chu có ấn tên là *Đại Việt quốc Nguyễn Vương Vĩnh Trấn chi bảo*, và trên một quả chuông ở chùa Thiên Mụ được dựng năm 1715 người ta cũng thấy ghi ấn này). Như vậy, về cơ bản cơ cấu tổ chức các đơn vị hành chính và bộ máy quản lý ở Nam Bộ trong giai đoạn chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn có thể được chia làm hai thời kỳ: thời kỳ thứ nhất từ khi thiết lập cơ sở hành chính đầu tiên là phủ Gia Định năm 1698 đến khi chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương (1744); thời kỳ thứ hai từ 1744 đến khi chấm dứt sự tồn tại của chính quyền Đàng Trong (1777). Từ 1778 - 1802 diễn ra trạng thái tranh chấp quyền lực tại vùng đất Nam Bộ giữa chính quyền Tây Sơn và chính quyền Nguyễn Ánh và sau đó là việc tổ chức cai trị của Nguyễn Ánh khi chiếm lại được Gia Định lần cuối. Đây là giai đoạn không thuộc “chính quyền Đàng Trong” nhưng tổ chức nhà nước vùng Nam Bộ vẫn mang nhiều dấu ấn của cách thức quản lý của chính quyền Đàng Trong nên cần được xem là giai đoạn kết nối và gắn bó chặt chẽ với thời chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn.

4.1. Thời kỳ 1698 đến 1744

Trước năm 1698 trên lãnh thổ Nam Bộ đã có những đơn vị “hành chính” mặc dầu chưa theo đúng nghĩa của nó. Đó là tổ chức của những người Hoa khai hoang gồm hai nhóm Mạc Cửu và nhóm Dương Ngạn Dịch, Trần Thượng Xuyên. Năm 1623 chính quyền Đàng Trong bằng các biện pháp ngoại giao (gả công chúa (theo Phan Khoang, khi ông khảo sát trong *Đại Nam liệt truyện* ở mục *công chúa* thì chúa Hi Tông có 4 người con gái, hai người có ghi chép rõ ràng về chuyện chồng con, duy chỉ

có Ngọc Vạn và Ngọc Khoa là ghi *khuyết chuyện*, như vậy có lẽ sử ta cho rằng chuyện gả chồng này không hay cho nên không ghi. Thậm chí sự kiện về chúa Hi Tông gả công chúa cho Chey Chetta phải khai thác trong sử của Chân Lạp) cho vua Chân Lạp là Chey Chetta) đã thiết lập được ở Sài Gòn một trạm thu thuế của người Việt.

Năm 1679 khi Dương Ngạn Dịch đến quy thuận, chúa Nguyễn cho tiến hành quy hoạch lại về mặt hành chính và khai khẩn đất đai. *Đại Nam nhất thống chí* cho biết, bộ tướng nhà Minh đã “dựng nhà cửa, họp người Kinh, người Di kết thành xóm...; lại lập thành trang, trại, man, nậu, nhân dân đều theo nghề nghiệp của mình làm ăn nộp thuế” [6, tr.88]. Sự tồn tại của 9 trường biệt nạp này còn kéo dài đến tận năm 1779 khi Nguyễn Ánh cải cách hành chính ở Nam Bộ “bãi 9 trường biệt nạp, đặt huyện Kiến Khang, lập dinh Trường Đồn, đặt các chức lưu thủ, cai bạ và ký lục” [6, tr.88]. Như vậy là, đơn vị hành chính đã được tổ chức một cách đơn giản. Đây chính là bước đầu để năm 1698 Nguyễn Hữu Cảnh lập nên hai huyện ở Nam Bộ.

Khi Mạc Cửu sang Hà Tiên, bước đầu cũng tổ chức đơn vị hành chính để khai hoang. “Hồi đầu bản triều người tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc là Mạc Cửu sang phương nam, thấy đất này có lối buôn các nước tụ tập, nhân đây chiêu dân xiêu tán đến ở các xứ Phú Quốc, Vũng Thơm, Rạch Giá, Cà Mau lập thành 7 xã, tự đứng cai quản” [6, tr.6]. Chưa biết cơ cấu tổ chức bên trong các xã như thế nào, nhưng chắc chắn mang nhiều dấu ấn mô hình Trung Hoa.

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định. Phủ Gia Định bao gồm hai huyện là Phúc Long và Tân Bình. Như vậy, về cơ

bản, cấu trúc chính quyền ở Nam Bộ đã định hình theo chiều dọc gồm: phủ - huyện - xã. Đây là cơ cấu truyền thống đã được áp dụng trước đó bởi nhiều vương triều Việt Nam ở phía Bắc và ngay tại thời điểm đó ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Trong giai đoạn đầu, phủ Gia Định không tổ chức cơ quan quản lý, chỉ là cấu trúc hành chính hình thức trong đó bao chứa hai huyện phụ thuộc. Đến năm 1731 mới đặt chức Điều Khiển ở phủ Gia Định. Điều khiển ở phủ Gia Định là một võ tướng, điều đó cho thấy, trong buổi đầu thì vai trò của các chức danh quân sự rất quan trọng và có thể kiêm luôn chức danh dân sự. Cũng do vậy, hoạt động quân sự là hoạt động được chú trọng nhiều hơn ở các đơn vị hành chính mới được thiết lập.

Hai huyện được lập ra thuộc phủ Gia Định gồm có hai dinh. Dinh là cấp hành chính hiệu theo nghĩa là bộ máy quản lý. Mỗi dinh quản một huyện. Huyện Tân Bình có dinh Phiên Trấn, huyện Phúc Long có dinh Trấn Biên, châu Định Viễn có dinh Long Hồ (theo *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam thực lục cho biết*, danh từ đơn vị hành chính “trấn” không phải là đơn vị Trấn mang tính chất ngang tỉnh, mà “trấn” là đơn vị dùng để đặt ở các nơi biên giới mới mở mang, như Trấn Biên ở vùng Phú Yên được lập từ giữa thế kỷ XVII). Đứng đầu mỗi dinh là một võ tướng mang chức danh Lưu thủ hay Trấn thủ. Bộ máy cai trị tại dinh thì “mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh” [5, tr.111]. Như vậy, về cơ bản mô hình mà chính quyền Đàng Trong lập cho Nam Bộ giống mô hình cuộc cải cách hành chính áp dụng ở Thuận Quảng từ 1614.

Ba chức lưu thủ, cai bạ, ký lục là các chức quản lý hành chính ở huyện. Lưu thủ là chức quan giống như trấn thủ đứng đầu dinh, do đó chức này có quyền lực cả về chính trị và dân sự. Cai bạ là chức quan đứng thứ hai ở Trấn giữ việc quân lương, thuế khóa, điền thổ, hộ binh. Cai bạ là chức quan gắn liền với hành chính và dân sự. Ký lục là chức quan giúp việc cho ty Xá sai, cho Cai bạ ty Tướng thần và Nha úy ở ty Lệnh sử đời Nguyễn Phúc Nguyên. Ngoài ra còn có hai ty là Xá sai và Tướng thần, “ở huyện có Xá ty và Lại ty” [3, tr.79]. Ty Xá sai quản lý hành chính đứng đầu là Ký lục, ty Tướng thần đứng đầu là Cai bạ làm nhiệm vụ thu thuế. Sự tồn tại của hai ty này dù chỉ được nhắc đến một lần xong sự tồn tại thực tế và phổ biến của nó ở vùng Thuận Quảng cho phép tin rằng nó cũng được tổ chức phổ biến ở Nam Bộ. Tuy nhiên, so với vùng Thuận Quảng thì bộ máy quản lý ở các huyện Nam Bộ không có ty Lệnh sử coi việc cúng tế, lễ nghi, văn hóa, tôn giáo.

Lực lượng quân sự rất được chú trọng trong cấu trúc bộ máy cai trị của chúa Nguyễn ở vùng Nam Bộ nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động khai phá đất đai, bảo đảm quyền lợi của chính quyền chúa Nguyễn và sẵn sàng can thiệp quân sự để thoát ly khỏi ảnh hưởng của Chân Lạp. Về cơ bản lực lượng quân sự được chia làm 3 bộ phận gồm thủy binh, tinh binh và thuộc binh. Thủy binh gồm lực lượng quân sự của chính quyền Trung ương và của chính quyền địa phương. Tinh binh cũng gồm hai loại trên. Riêng thuộc binh là lực lượng quân sự chỉ được tổ chức tại địa phương.

Xã là đơn vị hành chính cấp cơ sở. Trong thực tế, do quá trình khai phá đất đai và thiết lập các đơn vị cộng cư diễn ra lâu

dài với các thành phần cư dân đa dạng, phức tạp nên xã là một khái niệm không thật ổn định. Dưới xã có thể được tổ chức thành nhiều thôn, làng, nậu, ấp, phường, man,... nhưng đôi khi thôn, phường cũng có tư cách như là đơn vị hành chính cơ sở. Điều kiện tư liệu hạn chế cũng chỉ cho biết một cách tương đối về các chức danh trong làng xã. Về cơ bản ở xã có hai chức dịch là tướng thần và xã trưởng. Số lượng các chức dịch này cũng không được chứng thực về mặt tư liệu. Nếu theo quy mô của các xã Thuận Quảng thì số chức dịch ở xã nhiều nhất sẽ là 18 người. Ở các xã Nam Bộ chức năng thu thuế của các chức sắc được đặt ra khá lớn.

Trong thời điểm này ở Nam Bộ còn có trấn Hà Tiên được tổ chức theo quy chế tự trị - tự quản với xuất phát điểm ban đầu là nhằm thu hút ảnh hưởng của dòng họ Mạc. Bằng thực quyền cho phép, Tổng trấn được xem như là “vua” của vùng đất xa xôi này. Khi Mạc Cửu chết, Mạc Thiên Tứ lên chức Tổng trấn Hà Tiên vẫn tiếp tục duy trì cơ chế quyền lực như trước.

4.2. Thời kỳ từ 1745 đến 1777

Năm 1744, với việc xưng vương, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã tổ chức lại hệ thống hành chính mới ở Đàng Trong. Trong bối cảnh đó, các đơn vị hành chính vùng Nam Bộ tiếp tục được mở rộng đồng thời được phân định lại và chuẩn hóa theo mô hình cấu trúc hành chính ở Đàng Trong. Đây là hệ quả tất yếu của quá trình khai phá đất đai, can thiệp quân sự để thu tóm quyền lực từ chính quyền Chân Lạp và khẳng định chủ quyền của các chúa Nguyễn.

Năm 1744, khi mới xưng vương, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã quy hoạch toàn bộ Đàng Trong thành 12 dinh. “Ở Phúc Long

gọi là Trấn Biên dinh, ở Tân Bình gọi là Phiên Trấn dinh, ở Định Viễn gọi là Long Hồ dinh”, “Hà Tiên lại biệt làm một trấn, thuộc chức đô đốc” [5, tr.153]. Như vậy, vùng Nam Bộ có 3 dinh, ngoài ra còn một trấn Hà Tiên. Đến lúc này Dinh ở Nam Bộ không phải là bộ máy quản lý hành chính để quản lý huyện như trước kia nữa mà đã trở thành một đơn vị hành chính.

Như vậy, tổ chức hành chính ở Nam Bộ trong giai đoạn này gồm dinh (trấn) - huyện (châu, đạo) - xã. Mô hình tổ chức này về cơ bản giống như thời kỳ trước và giống như mô hình tổ chức vùng Thuận Quảng. Tuy nhiên, điểm khác biệt so với trước là số lượng cũng như quy mô, quy củ của các đơn vị hành chính được mở rộng và chặt chẽ hơn. Nền hành chính Nam Bộ đã từng bước hòa nhập vào khung cảnh chung của chính quyền Đàng Trong, chứng tỏ bước tiến mới trong sự khẳng định chủ quyền của các chúa Nguyễn với vùng đất Nam Bộ.

Cấp dinh (trấn) gồm có 3 dinh (dinh Trấn Biên, dinh Phiên Trấn và dinh Long Hồ). Mỗi dinh quản lý một số huyện, như vậy là tương đương với phủ (tuy nhiên, một số nơi, dinh lại là tổ chức bao gồm nhiều phủ khác nhau. Chúng ta có thể xem xét ví dụ sau vào năm 1770 “Lấy Ký lục dinh Quảng Nam là Trần Phúc Thành làm Cai bạ, tuần hành 5 phủ (Thăng Bình, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên), tham mưu việc dẹp giặc, điều khiển tướng sĩ binh dân của sáu đạo đồn binh Quảng Ngãi và quân lính hai phủ Quy Nhơn và Phú Yên để đi đánh giặc ác man” [5, tr.174]. Như vậy dinh là cơ quan lớn hơn cả phủ, và như thế nó là cơ quan tương đương tỉnh sau này, tức là cơ quan tương đương trấn ngày trước 1744). Trấn Hà Tiên vẫn

theo quy chế tự trị - tự quản nhưng ngày càng trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn và thực tế đã trở thành bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Đàng Trong.

Các huyện, châu, đạo là các cơ quan hành chính cấp dưới của dinh (trấn). Số lượng các huyện chưa thật rõ nhưng chắc chắn đã nhiều hơn so với trước do hoạt động khai phá đất đai có nhiều kết quả mới. Bộ máy quản lý ở cấp huyện chắc cũng không khác nhiều so với vùng Thuận Quảng nhưng số lượng quan lại có thể ít hơn vì hoạt động cai trị chưa thật sự đa dạng và phức tạp. Theo quy chế chung được đặt ra từ sau cải cách của Nguyễn Phúc Khoát, đứng đầu mỗi huyện là Tri huyện, bên cạnh đó là các chức danh khác phụ trách về quân sự, thuế khóa, hộ khẩu.

Cùng với các huyện, các đạo được thiết lập tại các vùng mới khai phá, dân cư chưa ổn định. Đây là loại đơn vị hành chính đặc biệt tương đương với huyện. Trong thời gian này ở Nam Bộ có 6 đạo. Bộ máy cai trị ở đạo được tổ chức giống như ở huyện, gồm chức cai cơ và thư ký, nhưng tính chất quân sự thể hiện khá rõ.

Cấp xã vẫn là cấp cơ sở trong tổ chức nhà nước ở Nam Bộ. Đây là cấp hành chính mang tính truyền thống và ít thay đổi, về cơ bản là sự quy tụ các làng Nam Bộ trong quá trình khai hoang lập ấp. Chưa có đủ tư liệu để hiểu biết sâu sắc về cơ cấu hành chính ở cấp xã cũng như mối liên hệ quyền lực giữa cấp này với cơ quan hành chính cấp trên, nhưng trên lý thuyết cấu trúc của các xã ở Nam Bộ mở hơn nhiều so với làng xã ở Bắc Bộ.

Lực lượng quân sự vẫn được tổ chức cơ bản như thời kỳ trước nhưng số lượng và

trang bị được tăng lên rõ rệt. Một sự thống kê mang tính chất tham khảo của các nguồn tư liệu cho thấy, lực lượng quân sự của chính quyền trung ương đặt ở Nam Bộ được bố trí tại dinh Trấn Biên có 7 đội với 27 thuyền, dinh Phiên Trấn có 8 đội với 25 thuyền, dinh Long Hồ có 5 đội với 17 thuyền, dinh trấn Hà Tiên có 3 đội với 14 thuyền. Lực lượng quân sự địa phương cũng được tổ chức tương đối quy củ. Quân ở dinh Trấn Biên có khoảng 6.000 người ở tất cả các đội thuyền, ngoài ra nhiều cửa sông lớn đều có lực lượng quân sự để thu thuế hay kiểm soát, như cửa Quảng Hóa có 720 người với 15 thuyền. Ở Phiên Trấn có khoảng 6.000 người. Dinh Long Hồ có lực lượng 13.000 người. Các thôn, xã đều có lực lượng dân vệ được bố trí bởi chính quyền địa phương [1].

4.3. Thời kỳ từ 1778 đến 1802

Ngay sau khi vừa chiếm lại được Gia Định lần đầu vào năm 1778, Nguyễn Ánh đã tiến hành các hoạt động xây dựng chính quyền ở vùng Nam Bộ. Có thể nói, với kinh nghiệm thống trị gần hai trăm năm của tổ tiên, Nguyễn Ánh đã tiến hành cuộc chiến tranh chống Tây Sơn một cách toàn diện, trong đó có hoạt động xây dựng bộ máy nhà nước.

Trong thời gian 1778 - 1784 bộ máy trung ương của chính quyền Nguyễn Ánh (*Đại Nam Thực lục chính biên đệ nhất kỷ* gọi là Chính dinh, tức cũng đóng ở Sài Gòn nhưng biệt lập với bộ máy cai trị ở dinh Phiên Trấn) vẫn theo thể chế thời Đàng Trong. Ngoài Chính dinh, bộ máy cai trị dinh trấn cũng tương tự thời Đàng Trong, trực tiếp quản lý cấp tổng thôn, vẫn chưa đặt chức Tri huyện.

Nhìn chung, trong thời gian từ 1778 và nhất là từ 1788 đến 1802, trên cơ sở thiết chế xã hội còn khá lỏng lẻo trên đồng bằng Nam Bộ cuối thời Đàng Trong, chính quyền Nguyễn Ánh đã có nhiều thuận lợi trong việc phát triển chế độ quân chính để huy động sức người sức của ở vùng này vào cuộc chiến tranh giành lại chiếc ngai vàng của dòng họ. Nhưng chế độ quân chính ấy tự thân nó có nhiều khiếm khuyết mà nổi bật là thiếu một cơ chế giám sát có hiệu quả nên dễ dẫn tới tệ nạn lạm dụng quyền lực cá nhân trong bộ máy chính quyền và hệ quả tất yếu của nó là các hành động cảm tính hay bất chấp pháp luật tới mức vô chính phủ trong sinh hoạt xã hội. Chính vì vậy mà xuất phát từ mục tiêu chống Tây Sơn và sự tự ý thức về quyền lực cá nhân, Nguyễn Ánh cũng hướng tới xây dựng một chính quyền tập quyền có kỷ cương, mà biểu hiện rõ nhất sau 1788 là bỏ các chức tứ trụ đại thần ở cấp trung ương và tăng cường kỷ luật trong quân đội. Trên phương diện tổ chức chính quyền, ý hướng này thể hiện qua nhiều lệnh cấm như lệnh cấm kẻ cướp năm 1789, lệnh bắt trộm cướp năm 1797, lệnh phòng cháy và bắt trộm cướp trong dân gian năm 1799... Đáng chú ý là lệnh cấm năm 1799 còn ít nhiều cho phép chính quyền cấp cơ sở có một số quyền hạn mang tính chất giám sát đối với lực lượng quan quân trong các hoạt động bảo vệ trật tự trị an. Cùng với sự phát triển của đội ngũ nho sĩ trong chính quyền Gia Định từ 1788 trở đi, tình hình này cho thấy ngay trong thời gian mang lại nhiều hiệu quả nhất của nó, chế độ quân chính cũng đã ít nhiều bị tăng lớp thống trị dè chừng và kìm chế. Đây chính là tiền đề nhận thức và tâm lý dẫn tới

sự triệt tiêu của mô hình này trên phạm vi toàn quốc vào năm 1832.

5. Kết luận

Tổ chức nhà nước vùng Nam Bộ tuy nằm trong trạng thái chính trị của “chính quyền Đàng Trong” của các chúa Nguyễn nhưng về cơ bản đó là một bộ máy chính trị - hành chính được xây dựng theo mô hình quân chính, trong đó quân đội là tổ chức hạt nhân và võ tướng là lực lượng cột trụ của quyền lực chính trị với những nét đặc sắc.

Kế thừa kinh nghiệm và thành quả gần hai trăm năm trong việc xây dựng thiết chế chính trị - hành chính quân chính của chính quyền Đàng Trong, chính quyền Nguyễn Ánh ở Nam Bộ cuối thế kỷ XVIII đã phát triển khá thuận lợi trên đường hướng phục vụ chiến tranh rồi đi tới chỗ kết thúc nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh. Được kích thích bởi hoàn cảnh chiến tranh, chế độ quân chính vốn có những điểm yếu trí mạng đã được điều chỉnh theo hướng củng cố chế độ tập quyền đồng thời giảm thiểu các yếu tố tôn giáo nên lại phát huy được một số hiệu quả đặc biệt nhất thời và nhờ vậy cũng thu được một số kết quả tích cực khách quan nhất định, trong đó nổi bật là góp phần đưa nhanh nhiều yếu tố truyền thống của thiết chế xã hội Việt Nam vào vùng đất mới. Với hoạt động của chính quyền Nguyễn Ánh từ 1778 và nhất là từ 1788 trở đi, chế độ quân chính ở Việt Nam từ chiến tranh Lê Mạc đã tiến được một bước dài trong việc hội nhập vào cơ cấu xã hội học ở địa phương trên cương vị là hệ thống quản lý xã hội, từ đó có những tác động tích cực trong việc đưa vùng đất này hòa nhập nhanh hơn vào với lịch sử chính trị và hành chính của toàn dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] Mạc Đường (1982), “Quá trình phát triển dân cư và dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3.
- [3] Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
- [4] Huỳnh Lứa (2000), *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, t.5, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [8] Lê Văn Năm (2000), “Tình hình định cư, khai phá vùng Châu Đốc - Hà Tiên hồi thế kỷ XIX”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2.
- [9] *Nam Bộ xưa và nay*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh - Tạp chí Xưa và Nay, Tp. Hồ Chí Minh, 1998.
- [10] Sơn Nam, *Biên khảo: Nói về miền Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2005,
- [11] Hồng Nhuệ (1999), “Đàng Trong thế kỷ XVIII”, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 68.
- [12] Mai Công Trục, *Một vài vấn đề về việc khẩn hoang và chống xâm lược Xiêm ở Châu Đốc từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX*, Tư liệu của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
- [13] Tạ Chí Đại Trường (2007), *Việt Nam thời Tây Sơn, Lịch sử nội chiến 1771 - 1802*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

